



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

Cơ bản

tôi

I

bạn
đại từ

you

anh ấy

he

cô ấy

she

nó

it

chúng tôi / chúng ta

we

các bạn

you

họ

they

cái gì

what

ai

who

ở đâu

where

tại sao

why

làm sao

how

cái nào

which

lúc nào

when

sau đó

then

nếu

if

thật sự

really

nhưng

but

bởi vì

because

không

not

này

this

đó
vật

that

tất cả

all

hoặc

or

và

and

đây

here

đó
địa điểm

there

trái

left

phải

right

bây giờ

now

buổi chiều

afternoon

buổi sáng
9:00-11:00

morning

ban đêm

night

buổi sáng
6:00-9:00

morning

buổi tối

evening

buổi trưa

noon

nửa đêm

midnight

giờ

hour

phút

minute

giây

second

ngày

day

tuần

week

tháng

month

năm

year

hôm qua

yesterday

hôm nay

today

ngày mai

tomorrow

thứ hai
ngày

Monday

thứ ba
ngày

Tuesday

thứ tư
ngày

Wednesday

thứ năm

Thursday

thứ sáu

Friday

thứ bảy

Saturday

chủ nhật

Sunday

đàn bà

woman

đàn ông

man

tình yêu

love

bạn trai

boyfriend

bạn gái

girlfriend

bạn
danh từ

friend

hôn
danh từ

kiss

tình dục

sex

trẻ em

child

con gái
đại từ

girl

con trai
đại từ

boy

mẹ

mum

ba

dad

má
mẹ

mother

cha

father

cha mẹ

parents

con trai
gia đình

son

con gái
gia đình

daughter

em gái

little sister

em trai

little brother

chị gái

big sister

anh trai

big brother

chồng

husband

vợ

wife

mỗi / mọi

every

luôn luôn

always

thực ra

actually

lần nữa

again

đã

already

ít hơn

less

phần lớn

most

nhiều hơn

more

không có

none

rất

very

ở ngoài

outside

ở trong

inside

xa

far

gần

close

bên dưới

below

bên trên

above

bên cạnh

beside

phía trước

front

phía sau

back

mọi người

everybody

cùng nhau

together

khác

other

mùa xuân

spring

mùa hè

summer

mùa thu

autumn

mùa đông

winter

tháng một

January

tháng hai

February

tháng ba

March

tháng tư

April

tháng năm

May

tháng sáu

June

tháng bảy

July

tháng tám

August

tháng chín

September

tháng mười

October

tháng mười một

November

tháng mười hai

December

bắc

north

đông

east

nam

south

tây

west

thường xuyên

often

ngay lập tức

immediately

đột ngột

suddenly

mặc dù

although

Số

0

zero

1

one

2

two

3

three

4

four

5

five

6

six

7

seven

8

eight

9

nine

10

ten

11

eleven

12

twelve

13

thirteen

14

fourteen

15

fifteen

16

sixteen

17

seventeen

18

eighteen

19

nineteen

20

twenty

21

twenty one

22

twenty two

26

twenty six

30

thirty

31

thirty one

33

thirty three

37

thirty seven

40

forty

41

forty one

44

forty four

48

forty eight

50

fifty

51

fifty one

55

fifty five

59

fifty nine

60

sixty

61

sixty one

62

sixty two

66

sixty six

70

seventy

71

seventy one

73

seventy three

77

seventy seven

80

eighty

81

eighty one

84

eighty four

88

eighty eight

90

ninety

91

ninety one

95

ninety five

99

ninety nine

100

one hundred

101

one hundred and one

105

one hundred and five

110

one hundred and ten

151

one hundred and fifty one

200

two hundred

202

two hundred and two

206

two hundred and six

220

two hundred and twenty

262

two hundred and sixty two

300

three hundred

303

three hundred and three

307

three hundred and seven

330

three hundred and thirty

373

three hundred and seventy
three

400

four hundred

404

four hundred and four

408

four hundred and eight

440

four hundred and forty

484

four hundred and eighty four

500

five hundred

505

five hundred and five

509

five hundred and nine

550

five hundred and fifty

595

five hundred and ninety five

600

six hundred

601

six hundred and one

606

six hundred and six

616

six hundred and sixteen

660

six hundred and sixty

700

seven hundred

702

seven hundred and two

707

seven hundred and seven

727

seven hundred and twenty
seven

770

seven hundred and seventy

800

eight hundred

803

eight hundred and three

808

eight hundred and eight

838

eight hundred and thirty
eight

880

eight hundred and eighty

900

nine hundred

904

nine hundred and four

909

nine hundred and nine

949

nine hundred and forty nine

990

nine hundred and ninety

1000

one thousand

1001

one thousand and one

1012

one thousand and twelve

1234

one thousand two hundred
and thirty four

2000

two thousand

2002

two thousand and two

2023

two thousand and twenty
three

2345

two thousand three hundred
and forty five

3000

three thousand

3003

three thousand and three

4000

four thousand

4045

four thousand and forty five

5000

five thousand

5678

five thousand six hundred
seventy eight

6000

six thousand

7000

seven thousand

7890

seven thousand eight
hundred and ninety

8000

eight thousand

8901

eight thousand nine hundred
and one

9000

nine thousand

9090

nine thousand and ninety

10.000

ten thousand

10.001

ten thousand and one

20.020

twenty thousand and twenty

30.300

thirty thousand three
hundred

44.000

forty four thousand

100.000

one hundred thousand

500.000

five hundred thousand

1.000.000

one million

6.000.000

six million

10.000.000

ten million

70.000.000

seventy million

100.000.000

one hundred million

800.000.000

eight hundred million

1.000.000.000

one billion

9.000.000.000

nine billion

10.000.000.000

ten billion

20.000.000.000

twenty billion

100.000.000.000

one hundred billion

300.000.000.000

three hundred billion

1.000.000.000.000

one trillion

Động từ

biết

to know
knew, known

nghĩ

to think
thought, thought

đến

to come
came, come

đặt

to put
put, put

lấy

to take
took, taken

tìm

to find
found, found

nghe

to listen
listened, listened

làm việc

to work
worked, worked

nói chuyện

to talk
talked, talked

cho

to give
gave, given

thích

to like
liked, liked

giúp đỡ

to help
helped, helped

yêu

to love
loved, loved

gọi

to call
called, called

chờ đợi

to wait
waited, waited

đứng

to stand
stood, stood

ngồi

to sit
sat, sat

đóng

to close
closed, closed

mở
cửa

to open
opened, opened

thua

to lose
lost, lost

thắng

to win
won, won

chết

to die
died, died

sống
động từ

to live
lived, lived

bật

to turn on
turned, turned

tắt

to turn off
turned, turned

giết

to kill
killed, killed

làm bị thương

to injure
injured, injured

chạm

to touch
touched, touched

xem

to watch
watched, watched

uống

to drink
drank, drunk

ăn

to eat
ate, eaten

đi bộ

to walk
walked, walked

gặp

to meet
met, met

đặt cược

to bet
bet, bet

hôn
động từ

to kiss
kissed, kissed

đi theo

to follow
followed, followed

cưới

to marry
married, married

trả lời

to answer
answered, answered

hỏi

to ask
asked, asked

kéo

to pull
pulled, pulled

đẩy

to push
pushed, pushed

ấn

to press
pressed, pressed

đánh

to hit
hit, hit

bắt

to catch
caught, caught

chiến đấu

to fight
fought, fought

ném

to throw
threw, thrown

chạy
động từ

to run
ran, run

đọc

to read
read, read

viết

to write
wrote, written

sửa chữa

to fix
fixed, fixed

đếm

to count
counted, counted

cắt

to cut
cut, cut

bán

to sell
sold, sold

mua

to buy
bought, bought

trả

to pay
paid, paid

học

to study
studied, studied

mơ

to dream
dreamt, dreamt

ngủ

to sleep
slept, slept

chơi

to play
played, played

ăn mừng

to celebrate
celebrated, celebrated

thưởng thức

to enjoy
enjoyed, enjoyed

dọn dẹp

to clean
cleaned, cleaned

bắn

to shoot
shot, shot

bảo vệ

to defend
defended, defended

tấn công

to attack
attacked, attacked

trộm

to steal
stole, stolen

đốt

to burn
burnt, burnt

cứu

to rescue
rescued, rescued

bay

to fly
flew, flown

khạc nhổ

to spit
spit, spit

đá
động từ

to kick
kicked, kicked

cắn

to bite
bit, bitten

thở

to breathe
breathed, breathed

ngửi

to smell
smelt, smelt

khóc

to cry
cried, cried

hát

to sing
sang, sung

cười mỉm

to smile
smiled, smiled

cười

to laugh
laughed, laughed

lớn lên

to grow
grew, grown

co lại

to shrink
shrank, shrunk

tranh luận

to argue
argued, argued

chia sẻ

to share
shared, shared

cho ăn

to feed
fed, fed

trốn

to hide
hid, hidden

cảnh báo

to warn
warned, warned

bơi

to swim
swam, swum

nhảy

to jump
jumped, jumped

nâng

to lift
lifted, lifted

đào

to dig
dug, dug

giao hàng

to deliver
delivered, delivered

tìm kiếm

to look for
looked, looked

luyện tập

to practice
practiced, practiced

đi du lịch

to travel
travelled, travelled

vẽ

to paint
painted, painted

mở
khóa

to open
opened, opened

khóa

to lock
locked, locked

rửa

to wash
washed, washed

cầu nguyện

to pray
prayed, prayed

nấu ăn

to cook
cooked, cooked

nôn

to vomit
vomited, vomited

la hét

to shout
shouted, shouted

trích dẫn

to quote
quoted, quoted

in

to print
printed, printed

tính toán

to calculate
calculated, calculated

kiếm tiền

to earn
earned, earned

Tính từ

mới

new

cũ

old

ít

few

nhiều

many

sai

wrong

chính xác

correct

xấu

bad

tốt

good

hạnh phúc

happy

ngắn

short

dài

long

nhỏ

small

lớn
to

big

xinh đẹp

beautiful

trẻ

young

già

old

màu trắng

white

màu đen

black

màu đỏ

red

màu xanh da trời

blue

màu xanh lá cây

green

màu vàng

yellow

chậm

slow

nhanh

quick

vui vẻ

funny

không công bằng

unfair

công bằng

fair

khó

difficult

dễ

easy

giàu

rich

nghèo

poor

khỏe

strong

yếu

weak

an toàn

safe

mệt mỏi

tired

tự hào

proud

no bụng

full

bệnh

sick

khỏe mạnh

healthy

tức giận

angry

thấp
đại cương

low

cao
đại cương

high

ngọt

sweet

chua

sour

mềm

soft

cứng

hard

đáng yêu

cute

ngu ngốc

stupid

điên khùng

crazy

bận rộn

busy

cao
người

tall

thấp
người

short

lo lắng

worried

ngạc nhiên

surprised

cư xử tốt

well-behaved

ác độc

evil

khéo léo

clever

lạnh

cold

nóng

hot

màu cam

orange

màu xám

grey

màu nâu

brown

màu hồng

pink

nhàm chán

boring

nặng

heavy

nhẹ

light

cô đơn

lonely

đói bụng

hungry

khát nước

thirsty

buồn

sad

dốc

steep

bằng phẳng

flat

hẹp

narrow

rộng

broad

sâu

deep

nông

shallow

lớn
rất

huge

bẩn

dirty

sạch sẽ

clean

đầy

full

trống rỗng

empty

đắt

expensive

rẻ

cheap

quyến rũ

sexy

lười biếng

lazy

dũng cảm

brave

hào phóng

generous

ướt

wet

khô

dry

ồn ào

loud

yên tĩnh

quiet

nắng

sunny

nhiều mưa

rainy

sương mù
tính từ

foggy

nhiều mây

cloudy

Thể thao

thể dục dụng cụ

gymnastics

quần vợt

tennis

chạy
danh từ

running

đạp xe

cycling

đánh golf

golf

bóng đá

football

bóng rổ

basketball

bơi lội

swimming

lặn

diving

đi bộ đường dài

hiking

chạy marathon

marathon

ba môn phối hợp

triathlon

bóng bàn

table tennis

cử tạ

weightlifting

quyền anh

boxing

cầu lông

badminton

trượt băng nghệ thuật

figure skating

trượt ván tuyết

snowboarding

trượt tuyết

skiing

trượt tuyết băng đồng

cross-country skiing

khúc côn cầu trên băng

ice hockey

bóng chuyền

volleyball

bóng ném

handball

bóng chuyền bãi biển

beach volleyball

bóng rugby

rugby

bóng gậy

cricket

bóng chày

baseball

bóng bầu dục Mỹ

American football

bóng nước

water polo

nhảy cầu

diving

lướt sóng

surfing

đua thuyền buồm

sailing

chèo thuyền

rowing

yoga

yoga

khiêu vũ

dancing

nhảy dù

parachuting

cờ vua

đánh bài poker

bowling

chess

poker

bowling

múa ba lê

ballet

Động vật

con lợn

pig

con bò

cow

con ngựa

horse

con chó

dog

con cừu

sheep

con khỉ

monkey

con mèo

cat

con gấu

bear

con gà

chicken

con vịt

duck

con bướm

butterfly

con ong

bee

con cá

fish

con nhện

spider

con rắn

snake

con hổ

tiger

con chuột

mouse

con thỏ

rabbit

con sư tử

lion

con lừa

donkey

con voi

elephant

con chim bồ câu

pigeon

con bọ

bug

con muỗi

mosquito

con ruồi

fly

con kiến

ant

con cá voi

whale

con cá mập

shark

con cá heo

dolphin

con ốc sên

snail

con ếch

frog

con gấu trúc

panda

con gấu Bắc cực

polar bear

con chó sói

wolf

con gấu túi

koala

con chuột túi

kangaroo

con hươu cao cổ

giraffe

con cáo

fox

con hà mã

hippo

con dơi

bat

con quạ

raven

con thiên nga

swan

con chim hải âu

seagull

con cú

owl

con chim cánh cụt

penguin

con vẹt

parrot

con sâu bướm

caterpillar

con chuồn chuồn

dragonfly

con mực ống

squid

con bạch tuộc

octopus

con cá ngựa

sea horse

con hải cẩu

seal

con sứa

jellyfish

con cua

crab

con khủng long

dinosaur

con rùa cạn

tortoise

con cá sấu

crocodile

Quốc gia

Châu Âu

Europe

Châu Á

Asia

Châu Mỹ

America

Châu Phi

Africa

Vương quốc Anh

United Kingdom

Tây Ban Nha

Spain

Thụy sĩ

Switzerland

Ý

Italy

Pháp

France

Đức

Germany

Thái Lan

Thailand

Singapore

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Russia

Japan

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

India

China

The United States of America

Mexico

Canada

Chile

Mexico

Canada

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Brazil

Argentina

South Africa

Nigeria

Nigeria

Ma Rốc

Morocco

Libya

Libya

Kenya

Kenya

Algeria

Algeria

Ai Cập

Egypt

New Zealand

New Zealand

Úc

Australia

Cơ thể

đầu

head

mũi

nose

tóc

hair

miệng

mouth

tai

ear

mắt

eye

bàn tay

hand

bàn chân

foot

tim

heart

não

brain

cổ

neck

mông

bottom

vai

shoulder

đầu gối

knee

chân

leg

tay

arm

bụng

belly

ngực

bosom

lưng

back

răng

tooth

lưỡi

tongue

môi

lip

ngón tay

finger

ngón chân

toe

dạ dày

stomach

phổi

lung

gan

liver

dây thần kinh

nerve

thận

kidney

ruột

intestine

trán

forehead

cằm

chin

má
cơ thể

cheek

râu

beard

ngón cái

thumb

ngón tay út

little finger

ngón tay đeo nhẫn

ring finger

ngón tay giữa

middle finger

ngón tay trỏ

index finger

móng tay

fingernail

gót chân

heel

xương sống

spine

cơ bắp

muscle

xương
cơ thể

bone

bộ xương

skeleton

xương sườn

rib

đốt sống

vertebra

bàng quang

bladder

tĩnh mạch

vein

động mạch

artery

âm đạo

vagina

tinh trùng

sperm

dương vật

penis

tinh hoàn

testicle

Ngôi nhà

cửa

door

nhà bếp

kitchen

phòng tắm

bathroom

phòng khách

living room

phòng ngủ

bedroom

vườn

garden

gara

garage

tường

wall

tầng hầm

basement

nhà vệ sinh
nhà ở

toilet

cầu thang

stairs

mái nhà

roof

cửa sổ
tòa nhà

window

dao

knife

tách

cup

ly

glass

đĩa

plate

cốc

cup

thùng rác

garbage bin

tô

bowl

bàn
văn phòng

desk

giường

bed

gương

mirror

vòi hoa sen

shower

ghế sofa

sofa

ảnh

picture

đồng hồ

clock

bàn
nhà

table

ghế
nhà

chair

hàng xóm

neighbour

thang máy

elevator

ban công

balcony

gác xép

attic

ống khói

chimney

muỗng gỗ

wooden spoon

đũa

chopstick

bộ dao nĩa

cutlery

muỗng

spoon

nĩa

fork

cái vá

ladle

nồi

pot

chảo

pan

bóng đèn

light bulb

giá sách

bookshelf

rèm

curtain

nệm

mattress

gối

pillow

chăn

blanket

kệ

shelf

ngăn kéo

drawer

tủ quần áo

wardrobe

xô

bucket

chổi

broom

cái cân

scale

giỏ đựng đồ giặt

laundry basket

bồn tắm

bathtub

khăn tắm
to lớn

bath towel

xà phòng

soap

giấy vệ sinh

toilet paper

khăn tắm
nhỏ bé

towel

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

basin

ladder

mailbox

hàng rào

fence

Thức ăn

trứng

egg

phô mai

cheese

sữa

milk

cá

fish

thịt

meat

xương
món ăn

bone

dầu

oil

bánh mì

bread

đường
món ăn

sugar

sô cô la

chocolate

kẹo

candy

bánh bông lan

cake

nước

water

cà phê

coffee

trà

tea

bia

beer

rượu nho

wine

sa lát

salad

súp

soup

món tráng miệng

dessert

bữa ăn sáng

breakfast

bữa trưa

lunch

bữa tối

dinner

pizza

pizza

kem

ice cream

bơ

butter

sữa chua

yoghurt

cá ngừ

tuna

cá hồi

salmon

giăm bông

ham

thịt ba rọi

bacon

xúc xích

sausage

thịt gà tây

turkey

thịt gà

chicken

thịt bò

beef

thịt heo

pork

thịt cừu

lamb

bí ngô

pumpkin

nấm

mushroom

nấm cộc

truffle

tỏi

garlic

tỏi tây

leek

gừng

ginger

cà tím

aubergine

khoai lang

sweet potato

cà rốt

carrot

dưa chuột

cucumber

ớt

chili

ớt chuông

pepper

củ hành

onion

khoai tây

potato

bông cải trắng

cauliflower

bắp cải

cabbage

bông cải xanh

broccoli

xà lách

lettuce

rau chân vịt

spinach

tre

bamboo

ngô

corn

cần tây

celery

đậu Hà Lan

pea

hạt đậu

bean

quả lê

pear

quả táo

apple

quả ô liu

olive

quả sung

fig

quả chà là

date

quả dừa

coconut

quả hạnh nhân

almond

hạt phỉ

hazelnut

đậu phộng

peanut

quả chuối

banana

quả xoài

mango

quả kiwi

kiwi

quả bơ

avocado

quả dứa

pineapple

dưa hấu

water melon

quả nho

grape

dưa gang

sugar melon

quả mâm xôi

raspberry

quả việt quất

blueberry

quả dâu tây

strawberry

quả anh đào

cherry

quả mận

plum

quả mơ

apricot

quả đào

peach

quả chanh

lemon

quả bưởi

grapefruit

quả cam

orange

cà chua

tomato

bạc hà

mint

sả

lemongrass

quế

cinnamon

vani

vanilla

muối

salt

tiêu

pepper

cà ri

curry

thuốc lá
thực vật

tobacco

đậu hũ

tofu

giấm

vinegar

mì sợi

noodle

sữa đậu nành

soy milk

bột mì

flour

gạo

rice

yến mạch

oat

lúa mì

wheat

đậu nành

soy

hạt

nut

mật ong

honey

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

jam

chewing gum

pancake

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

cookie

pudding

muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

doughnut

energy drink

orange juice

nước táo

sữa lắc

coca cola

apple juice

milkshake

coke

sô cô la nóng

hot chocolate

rượu cocktail

cocktail

rượu rum

rum

rượu whisky

whiskey

rượu vodka

vodka

thực đơn

menu

hải sản

seafood

mì Ý

spaghetti

sushi

sushi

bắp rang bơ

popcorn

khoai tây lát mỏng

chips

cánh gà

chicken wings

khoai tây chiên

French fries

mù tạt

mustard

sốt mayonnaise

mayonnaise

nước sốt cà chua

tomato sauce

bánh mì kẹp

sandwich

bánh mì kẹp xúc xích

hot dog

bánh burger

burger

Trường học

sách

book

thư viện

library

bài tập về nhà

homework

bài thi

exam

bài học

lesson

khoa học

science

lịch sử

history

nghệ thuật

art

cây bút

pen

bút chì

pencil

thứ nhất

first

thứ hai
2

second

thứ ba
3

third

thứ tư
4

fourth

ngiên cứu

research

bằng cấp

degree

sân thể thao

sports ground

từ điển

dictionary

học kì

term

sổ tay

notebook

hình học

geometry

chính trị học

politics

triết học

philosophy

kinh tế học

economics

giáo dục thể chất

physical education

sinh học

biology

toán học

mathematics

địa lý

geography

văn học

literature

hóa học

chemistry

vật lý

physics

cái thước

ruler

cục tẩy

rubber

cái kéo

scissors

băng dính

adhesive tape

keo dán

glue

bút bi

ball pen

kẹp giấy

paperclip

3%

three percent

100%

one hundred percent

0%

zero percent

mét khối

cubic meter

mét vuông

square meter

dặm

mile

mét

meter

mi-li-mét

millimeter

xen-ti-mét

centimeter

đề-xi-mét

decimeter

phép cộng

addition

phép trừ

subtraction

phép nhân

multiplication

phép chia

division

diện tích

area

thể tích

volume

hình chữ nhật

rectangle

hình vuông

square

tam giác

triangle

hình tròn

circle

lít

liter

mililít

milliliter

tấn

ton

kilôgam

kilogram

gram

gram

nam châm

magnet

kính hiển vi

microscope

cái phễu

funnel

phòng thí nghiệm

laboratory

bài giảng

lecture

Thiên nhiên

tro

ash

lửa

fire

kim cương

diamond

mặt trăng

moon

mặt trời

sun

ngôi sao

star

hành tinh

planet

bờ biển
biển

coast

hồ

lake

rừng

forest

sa mạc

desert

đồi núi

hill

đá
danh từ

rock

con sông

river

thung lũng

valley

núi

mountain

đảo

island

đại dương

ocean

biển

sea

băng

ice

tuyết

snow

bão táp

storm

mưa

rain

gió

wind

cây

tree

cỏ

grass

hoa hồng

rose

hoa

flower

kim loại

metal

đất

soil

dung nham

lava

than

coal

cát

sand

đất sét

clay

tên lửa

rocket

vệ tinh

satellite

thiên hà

galaxy

tiểu hành tinh

asteroid

lục địa

continent

đường Xích đạo

equator

Nam cực

South Pole

Bắc cực

North Pole

suối

stream

rừng nhiệt đới

rainforest

hang

cave

thác nước

waterfall

bờ biển
con sông

shore

sông băng

glacier

động đất

earthquake

miệng núi lửa

crater

núi lửa

volcano

khí quyển

atmosphere

lũ lụt

flood

sương mù
danh từ

fog

cầu vồng

rainbow

tiếng sấm

thunder

tia chớp

lightning

cơn dông

thunderstorm

nhiệt độ

temperature

bão nhiệt đới

typhoon

bão

hurricane

mây

cloud

cành cây

branch

lá cây

leaf

rễ cây

root

thân cây

trunk

hạt giống

seed

nhựa

plastic

cacbon đioxit

carbon dioxide

nguyên tử

atom

sắt

iron

ôxy

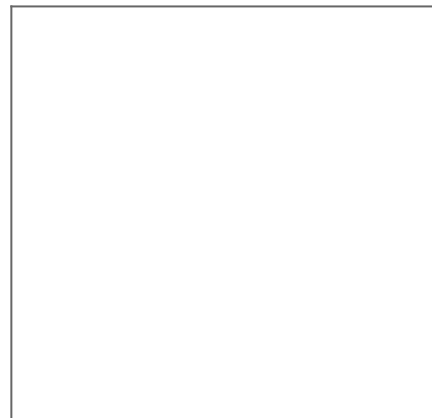
oxygen

vàng

gold

bạc

silver



Giao thông

xe hơi

car

xe buýt

bus

xe lửa

train

ga xe lửa

train station

trạm dừng xe buýt

bus stop

máy bay

plane

tàu

ship

xe tải

lorry

xe đạp

bicycle

xe mô tô

motorcycle

xe taxi

taxi

đèn giao thông

traffic light

bãi đậu xe

car park

đường
xe hơi

road

ắc quy

battery

động cơ
xe hơi

motor

túi khí

airbag

vô-lăng

steering wheel

dây an toàn

seatbelt

lốp xe

tyre

cốp sau

rear trunk

máy bán vé

ticket vending machine

phòng bán vé

ticket office

tàu điện ngầm

subway

tàu cao tốc

high-speed train

đầu máy

locomotive

xe điện

tram

xe buýt trường học

school bus

xe buýt nhỏ

minibus

sân bay

airport

hãng hàng không

airline

máy bay trực thăng

helicopter

hạng nhất

first class

hạng phổ thông

economy class

hạng thương gia

business class

áo phao

life jacket

công ten nơ

container

tàu ngầm

submarine

tàu du lịch

cruise ship

tàu chở hàng

container ship

du thuyền

yacht

phà

ferry

hải cảng

harbour

xuồng cứu sinh

lifeboat

ra đa

radar

đèn đường

street light

vỉa hè

pavement

trạm xăng

petrol station

công trường

construction site

vạch qua đường

pedestrian crossing

tắc đường

traffic jam

đường cao tốc

motorway

xe tăng

tank

máy xúc

excavator

máy kéo

tractor

rơ-moóc

trailer

xe tay ga

motor scooter

xe cáp treo

cable car

Thành phố

bệnh viện

hospital

trường học

school

nhà ở

house

hóa đơn

bill

chợ

market

siêu thị

supermarket

căn hộ

apartment

trường đại học

university

nông trại

farm

nhà thờ

church

nhà hàng

restaurant

quán bar

bar

phòng thể dục

gym

công viên

park

nhà vệ sinh
đại cương

toilet

bản đồ

map

xe cứu thương

ambulance

cảnh sát
đại cương

police

lính cứu hỏa
đại cương

firefighters

quốc gia

country

ngoại ô

suburb

ngôi làng

village

bảo hành

warranty

trung tâm mua sắm

shopping mall

tiệm thuốc

pharmacy

tòa nhà chọc trời

skyscraper

lâu đài

castle

đại sứ quán

embassy

giáo đường Do Thái

synagogue

ngôi đền

temple

nhà máy

factory

nhà thờ Hồi giáo

mosque

tòa thị chính

town hall

bưu điện

post office

đài phun nước

fountain

câu lạc bộ đêm

night club

băng ghế

bench

sân golf

golf course

sân bóng đá

football stadium

hồ bơi
tòa nhà

swimming pool

sân quần vợt

tennis court

thông tin du lịch

tourist information

sòng bạc

casino

phòng triển lãm nghệ thuật

art gallery

bảo tàng

museum

công viên quốc gia

national park

quà lưu niệm

souvenir

thủy cung

aquarium

trượt nước

water slide

tàu lượn siêu tốc

roller coaster

công viên nước

water park

vườn bách thú

zoo

sân chơi

playground

cửa thoát hiểm
tòa nhà

emergency exit

chuông báo cháy

fire alarm

bình cứu hỏa

fire extinguisher

đồn cảnh sát

police station

tiểu bang

state

khu vực

region

thủ đô

capital

Bệnh viện

tai nạn

accident

bệnh nhân

patient

phẫu thuật

surgery

viên thuốc

pill

sốt

fever

ho

cough

phòng cấp cứu

emergency room

khoa hồi sức tích cực

intensive care unit

phòng chờ

waiting room

thuốc aspirin

aspirin

thuốc ngủ

sleeping pill

ngày hết hạn

expiry date

liều lượng

dosage

si-rô ho

cough syrup

tác dụng phụ

side effect

insulin

insulin

bột

powder

viên nhộng

capsule

vitamin

vitamin

thuốc giảm đau

painkiller

kháng sinh

antibiotics

vi khuẩn

bacterium

vi rút

virus

đau tim

heart attack

tiêu chảy

diarrhea

tiểu đường

diabetes

đột quỵ

stroke

hen suyễn

asthma

ung thư

cancer

cúm

flu

đau răng

toothache

cháy nắng

sunburn

viêm họng

sore throat

đau bụng

stomach ache

nhiễm trùng

infection

dị ứng

allergy

chuột rút

cramp

đau đầu

headache

ống tiêm

syringe

nạng

crutch

chụp X quang

X-ray photograph

máy siêu âm

ultrasound machine

bó bột
nhỏ bé

plaster

xe lăn

wheelchair

bó bột
gãy xương

cast

mạch

pulse

chấn thương

injury

cấp cứu

emergency

chấn động

concussion

vết bỏng

burn

gãy xương

fracture

thuốc tránh thai

birth control pill

thử thai

pregnancy test

Nghề nghiệp

bác sĩ

doctor

y tá

nurse

cảnh sát
người

policeman

tổng thống

president

thuyền trưởng

captain

thám tử

detective

phi công

pilot

giáo sư

professor

giáo viên

teacher

luật sư

lawyer

thư ký

secretary

trợ lý

assistant

thẩm phán

judge

quản lý

manager

đầu bếp

cook

tài xế taxi

taxi driver

tài xế xe buýt

bus driver

người mẫu

model

nghệ sĩ

artist

thủ tướng

prime minister

dược sĩ

pharmacist

lính cứu hỏa
người

firefighter

nha sĩ

dentist

doanh nhân

entrepreneur

chính trị gia

politician

lập trình viên

programmer

tiếp viên hàng không

stewardess

nhà khoa học

scientist

giáo viên mầm non

kindergarten teacher

kiến trúc sư

architect

kế toán viên

accountant

tư vấn viên

consultant

công tố viên

prosecutor

tổng quản lý

general manager

vệ sĩ

bodyguard

chủ nhà

landlord

bồi bàn

waiter

nhân viên bảo vệ

security guard

bộ đội

soldier

ngư dân

fisherman

nhân viên vệ sinh

cleaner

thợ sửa ống nước

plumber

thợ điện

electrician

nông dân

farmer

lễ tân

receptionist

người đưa thư

postman

thu ngân

cashier

thợ làm tóc

hairdresser

tác giả

author

nhà báo

journalist

nhiếp ảnh gia

photographer

nhân viên cứu hộ

lifeguard

ca sĩ

singer

nhạc sĩ

musician

diễn viên

actor

phóng viên

reporter

huấn luyện viên

coach

trọng tài

referee

Kinh doanh

tiền

money

văn phòng

office

áp lực

stress

bảo hiểm

insurance

nhân viên
công ty

staff

bộ phận

department

lương

salary

địa chỉ

address

lá thư

letter

số điện thoại

telephone number

url

url

địa chỉ email

e-mail address

trang mạng

website

thư điện tử

e-mail

chữ ký

signature

thua lỗ

loss

lợi nhuận

profit

khách hàng

customer

số tiền

amount

thẻ tín dụng

credit card

mật khẩu

password

máy rút tiền

cash machine

thuế

tax

phòng họp

meeting room

danh thiếp

business card

công nghệ thông tin

IT

nhân sự

human resources

bộ phận pháp lý

legal department

kế toán

accounting

tiếp thị

marketing

bán hàng

sales

đồng nghiệp

colleague

người sử dụng lao động

employer

nhân viên
người

employee

chú thích

note

thuyết trình

presentation

bìa cứng

folder

con dấu cao su

rubber stamp

máy chiếu

projector

bưu kiện

parcel

con tem

stamp

phong bì

envelope

trình duyệt

browser

đầu tư

investment

sàn giao dịch chứng khoán

stock exchange

tiền giấy

note

tiền xu

coin

tiền lãi

interest

khoản vay

loan

số tài khoản

account number

tài khoản ngân hàng

bank account

Thiết bị

điện thoại

telephone

bộ tivi

TV set

máy ảnh

camera

đài radio

radio

quạt

fan

máy điều hòa

air conditioner

máy pha cà phê

coffee machine

máy nướng bánh mì

toaster

máy hút bụi

vacuum cleaner

máy sấy tóc

hairdryer

ấm đun nước

kettle

máy rửa chén

dishwasher

bếp điện

cooker

lò nướng

oven

lò vi sóng

microwave

tủ lạnh

fridge

máy giặt

washing machine

điều khiển từ xa

remote control

tai nghe

earphone

chuột

mouse

bàn phím

keyboard

ổ cứng

hard drive

thanh USB

USB stick

máy quét

scanner

máy in

printer

màn hình

screen

máy tính xách tay

laptop

rô bốt

robot

loa

loudspeaker

